

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP ĐÀ NẴNG
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **96/2026/HNGĐ - ST**
Ngày: 12-8-2026
V/v “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hồ Thị Nga

2. Ông Nguyễn Văn Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Việt Công Hưng – Thư ký Tòa án của TAND khu vực 4 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Xuân Lành - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 8 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 384/2026/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 05 năm 2026 về Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1044/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/07/2026, quyết định hoãn số 1043 ngày 05/8/2026 giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị H**; sinh năm: 1975; CCCD: 048175001647 HKTT tại: Tổ H, phường H, thành phố Đà Nẵng. Chỗ ở hiện nay: 23 P, phường H, thành phố Đà Nẵng. *có đơn xin xét xử vắng mặt*

- Bị đơn: Ông **Mai Quang H1**; sinh năm: 1983; CMND: 201436809; Trú tại: Số A N, tổ A, phường H, thành phố Đà Nẵng. *vắng mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại đơn khởi kiện ngày 14/05/2026 và bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông H1 đăng ký kết hôn vào ngày 15/03/2019 tại UBND phường H, quận L (nay là phường H), thành phố Đà Nẵng theo giấy chứng nhận kết hôn số 45 ngày 15/03/2019. Sau khi kết hôn ông bà chung sống tại địa chỉ B P, phường H, L (nay là phường H), thành phố Đà Nẵng. Sau một thời chung sống hạnh phúc thì đến năm 2020 phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông H1 có tình cảm với người phụ nữ khác, thường xuyên say xỉn, đánh đập bà H dẫn đến tinh thần và sức khỏe của bà H bị ảnh hưởng, hai bên xảy ra cãi vã xô xát

nhiều dẫn đến năm 2024 thì ông H1 bỏ ra ở riêng, hai người sống ly thân từ đó. Bà H xác định không còn tình cảm với ông H1 đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn.

- **Về quan hệ con chung:** Bà H xác định có 01 con chung Mai Thị Khánh L; sinh ngày: 22/12/2018. Ly hôn nguyện vọng của bà H là giao con Mai Thị Khánh L cho ông H1 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Bà H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt, bà H thay đổi đề nghị cấp dưỡng, bà H cấp dưỡng nuôi con Khánh L mỗi tháng 2.500.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- **Về tài sản chung:** Bà H xác định không có.

- **Về nợ chung:** Bà H xác định không có.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Mai Quang H1 không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không tham gia hoà giải và cũng không tham gia phiên tòa xét xử vụ án trên.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đà Nẵng phát biểu về sự tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự. Theo đó: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng pháp luật từ khâu thụ lý, hòa giải, thu thập chứng cứ và mở phiên tòa xét xử. Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc không tuân thủ quy định của pháp luật.

Về nội dung: đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình.

Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc ly hôn với ông Mai Quang H1.

Về con chung: Giao con Mai Thị Khánh L, sinh ngày: 22/12/2018 cho ông Mai Quang H1 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Bà H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: không đề cập giải quyết

Về nợ chung: không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” giữa bà H, ông H1 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 5 Nghị quyết số 01 ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án

nhân dân Tối cao "Hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân".

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn ông Mai Quang H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà H, ông H1.

Về nội dung vụ án:

[3] Bà H và ông H1 đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận L (nay là phường H), Đà Nẵng theo giấy chứng nhận kết hôn số 45 ngày 15/03/2019 hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân theo bà H do ông H1 có tình cảm với người phụ nữ khác, thường say xỉn có hành vi bạo lực với bà nên tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Quá trình tố tụng bà H xác định không còn yêu thương ông H1 nên xin được ly hôn với ông H1. Còn bị đơn ông H1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không có ý kiến.

[5] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà H thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thật sự có được dựa trên sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau thế nhưng cả hai lại không làm được điều này. Giữa bà H, ông H1 từ khi kết hôn đến nay hai bên chung sống một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn, khi mâu thuẫn xảy ra ông bà đều không có giải pháp gì để hàn gắn và xây dựng lại gia đình. Đối với ông H1 có ý thức để mặc, không tham gia các phiên hòa giải cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa, điều này thể hiện ông H1 không chấp hành pháp luật, vừa thờ ơ với việc hàn gắn hạnh phúc gia đình, bản thân ông H1 không còn thiện chí xây dựng hạnh phúc gia đình với bà H. Vì vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định mâu thuẫn vợ chồng bà H, ông H1 đã trở nên trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho bà H được ly hôn ông H1 là hoàn toàn phù hợp với điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[6] Về con chung: Bà H xác định có 01 con chung Mai Thị Khánh L; sinh ngày: 22/12/2018. Ly hôn nguyện vọng của bà H là giao con Mai Thị Khánh L cho ông H1 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Bà H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

[6.1] Xét yêu cầu về việc trực tiếp nuôi con chung của bà H thì thấy: Việc giao con cho ai trông nom, nuôi dưỡng đều phải dựa vào quyền lợi mọi mặt của con, đảm bảo được sự phát triển của con cả về thể chất lẫn tinh thần. Từ khi mâu thuẫn vợ chồng xảy ra, ông H1 là người trực tiếp nuôi con. Ngoài ra cháu L có nguyện vọng muốn ở cùng ba do đó Hội đồng xét xử thấy nên việc giao con cho ông H1 trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với tình hình thực tế, đảm bảo tính ổn định cuộc sống của con, phù hợp nguyện vọng của con và quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn

nhân và gia đình.

[6.2] Đối với việc cấp dưỡng nuôi con: Bà H cấp dưỡng 2.500.000 đồng một tháng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Xét mức cấp dưỡng bà H đưa ra là phù hợp, đảm bảo quyền lợi cho con và các quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về tài sản chung: Bà H xác định không có nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[8] Về nợ chung: Bà H xác định không có nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[9] Đối với ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng thấy phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[10] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và khoản 3 Điều 11 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng bà H phải chịu theo quy định pháp luật.

Án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ: 300.000 đồng bà Nguyễn Thị H phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 điều 227, điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 5 Nghị quyết số 01 ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao "Hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân".

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của bà Nguyễn Thị H đối với ông Mai Quang H1.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Mai Quang H1 (*Do chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông H1 nên giấy chứng nhận kết hôn số 45, do UBND phường H, quận L (nay là phường H), thành phố Đà Nẵng cấp ngày 13/05/2019 không còn giá trị pháp lý*)

2. Về con chung: Giao con Mai Thị Khánh L, sinh ngày: 22/12/2018 cho ông Mai Quang H1 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Bà Nguyễn Thị H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Cả hai bên đương sự đều được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thanh toán xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 bộ luật dân sự.

3. Về tài sản chung, nợ chung: HĐXX không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Án phí HNGĐ sơ thẩm: 300.000 đồng bà Nguyễn Thị H phải chịu được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà đã nộp theo biên lai thu số 0005512 ngày 26 tháng 05 năm 2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ: 300.000 đồng bà Nguyễn Thị H phải chịu.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc bản án được niêm yết tại nơi thường trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 36, 72 của Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15.

Nơi nhận :

- VKSND khu vực 4;
- Thi hành án thành phố Đà Nẵng;
- UBND phường Hòa Khánh, Đà Nẵng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hạnh

